

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai Kế hoạch vốn đầu tư nhà nước giao
và phân bổ vốn đầu tư năm 2024**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN KON RẪY

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công và các
văn bản pháp luật có liên quan;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của
Thủ tướng Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số
973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc
hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công
nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Thông tư số 10/2025/BTC ngày 02 tháng 02 năm 2005 của Bộ Tài
chính hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với việc phân bổ, quản
lý sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 732/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2023 của Ủy
ban nhân dân tỉnh về việc giao chi tiết Kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách
địa phương năm 2024 tỉnh Kon Tum;*

*Căn cứ Quyết định số 792/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Ủy
ban nhân dân tỉnh về việc giao chi tiết Kế hoạch đầu tư nguồn ngân sách trung
ương năm 2024;*

*Căn cứ Quyết định 1109/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Ủy
ban nhân dân huyện Kon Rẫy về giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội, dự toán
ngân sách nhà nước và kế hoạch đầu tư công năm 2024;*

*Xét đề nghị của Phòng Tài chính - Kế hoạch tại Tờ trình số 03/TTr-
PTCKH ngày 05 tháng 01 năm 2024.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai Kế hoạch vốn đầu tư nhà nước giao và phân bổ vốn đầu tư năm 2024, cụ thể tại Phụ lục chi tiết kèm theo.

Điều 2. Chánh Văn phòng HĐND&UBND; Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch; Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 (t/h);
- Thường trực Huyện ủy (b/c),
- Thường trực HĐND huyện (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Văn phòng HU-HĐND-UBND;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Võ Văn Lương

PHỤ LỤC

CÔNG KHAI KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NHÀ NƯỚC GIAO VÀ PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ NĂM 2024

(Kèm theo theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Kon Rẫy)

ĐVT: Đồng

TT	Nguồn vốn/Danh mục dự án xin điều chỉnh	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Quy mô, năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn giao năm 2024	Phân bổ năm 2024	Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			
	TỔNG SỐ								109.691,00	109.691,00	
A	NGÂN SÁCH TỈNH								90.613,00	90.613,00	
1	Các dự án chuyển tiếp								90.613,00	90.613,00	
-	Sửa chữa, nâng cấp đường ĐH 22, huyện Kon Rẫy	Ban quản lý DA ĐTXD huyện	Huyện Kon Rẫy	Cấp đường (cấp V miền núi);	Từ 2022-	622-01/12/2021	50.000,00	45.000,00	25.000,00	25.000,00	
-	Cầu qua sông Đăk Blà tại thôn 12, xã Đăk Ruồng, huyện Kon Rẫy	Ban quản lý DA ĐTXD huyện	Xã Đăk Ruồng	Công trình cấp 3	Từ 2022-	623-01/12/2021	50.000,00	45.000,00	7.000,00	7.000,00	
-	Đường giao thông từ xã Đăk Pnê, huyện Kon Rẫy đi huyện Kbang, tỉnh Gia Lai	Ban quản lý DA ĐTXD huyện	Huyện Kon Rẫy	Công trình cấp 3	Từ 2022-	466-28/5/2021; 698-03/8/2021	150.000,00	15.000,00	58.613,00	58.613,00	
B	NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC								19.078,00	19.078,00	
I	Nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ bổ sung có mục tiêu XD NTM						6.598,70	3.170,10	3.000,00	3.000,00	
1	Các dự án khởi công mới						6.598,70	3.170,10	3.000,00	3.000,00	
-	Công trình thủy lợi Đăk Nâm, xã Đăk Pnê; hạng mục: sửa chữa đập đầu mối, thay mới tuyến ống, trụ đỡ	Ban quản lý DA ĐTXD huyện	Xã Đăk Pnê	Công trình NN&PTNT cấp IV	Từ 2024	NQ số 45 16/12/2021	300,00	300,00	300,00	300,00	

-	Trường Mầm non Hoa Hồng (điểm thôn 4), xã Đăk Tô Re, huyện Kon Rẫy; HM: Sửa chữa nhà vệ sinh, hệ thống cấp nước và các hạng mục phụ trợ	Ban quản lý DA ĐTXD huyện	Xã Đăk Tô Re	Công trình, cấp IV	Từ 2024	NQ số 45/16/12/2021	150,00	150,00	150,00	150,00	
-	Trường Mầm non Đăk Pne (điểm Kon Túc), huyện Kon Rẫy; HM: Làm mới sân bê tông và các hạng mục phụ trợ	Ban quản lý DA ĐTXD huyện	Xã Đăk Pne	Công trình cấp IV	Từ 2024	NQ số 45/16/12/2021	200,00	200,00	200,00	200,00	
-	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống sinh hoạt thôn 2, thôn 3 xã Đăk Pne	Ban quản lý DA ĐTXD huyện	Xã Đăk Pne	Công trình NN&PTNT cấp IV	Từ 2024	NQ số 45/16/12/2021	200,00	200,00	200,00	200,00	
-	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống sinh hoạt thôn 4 xã Đăk Pne	Ban quản lý DA ĐTXD huyện	Xã Đăk Pne	Công trình NN&PTNT cấp IV	Từ 2024	NQ số 45/16/12/2021	200,00	200,00	200,00	200,00	
-	Trường Tiểu học KaPaKoLong (điểm chính), xã Đăk Tô Re, huyện Kon Rẫy; HM: Xây mới nhà học 02 phòng và các hạng mục phụ trợ;	Ban quản lý DA ĐTXD huyện	Xã Đăk Tô Re	Công trình, cấp IV	Từ 2024	NQ số 45/16/12/2021	850,00	850,00	850,00	850,00	
-	Trường Tiểu học Đăk Pne (điểm Kon Túc), huyện Kon Rẫy; HM: Sửa chữa cổng, tường rào	Ban quản lý DA ĐTXD huyện	Xã Đăk Pne	Công trình, cấp IV	Từ 2024	NQ số 45/16/12/2021	213,00	213,00	213,00	213,00	
-	Công trình cấp nước sinh hoạt thôn Kon Keng xã Đăk Tô Lung (Giếng khoan)	Ban quản lý DA ĐTXD huyện	Xã Đăk Tô Lung	Công trình NN&PTNT cấp IV	Từ 2024	NQ số 45/16/12/2021	200,00	200,00	200,00	200,00	
-	Mở rộng, nâng cấp công trình nghĩa trang nhân dân huyện Kon Rẫy	Ban QLDA ĐTXD huyện	Xã Tân Lập	Nâng cấp	Từ 2024	NQ số 81/9/12/2023	4.285,70	857,10	687,00	687,00	Dự án đối ứng NTM theo Nghị quyết 61/2022/HĐND tỉnh
II	Phân cấp đầu tư theo tiêu chí định mức quy định tại Nghị quyết HĐND tỉnh						212.060	25.903	6.588	6.588	
1	Các dự án chuyển tiếp						50.800	6.300	1.040	1.040	
-	Sửa chữa, nâng cấp đường ĐH 22, huyện Kon Rẫy	Ban QLDA ĐTXD huyện	Xã Đăk Pne	Cấp công trình cấp 3, L=9,743Km	Từ 2022	224-24/3/2021	50.000	5.500	1.000	1.000	

-	Sửa chữa Trụ sở Huyện ủy Kon Rẫy	Văn phòng Huyện ủy	Xã Tân Lập	Công trình dân dụng cấp III	Từ 2023	NQ số 45/16/12/2021	800	800	40	40	
2	Các dự án khởi công mới						161.260,40	19.603,20	5.548,00	5.548,00	
-	Trường Mầm non 19/5, huyện Kon Rẫy; HM: Sửa chữa 03 phòng làm việc + hàng rào	Ban quản lý DA ĐTXD huyện	Thị trấn Đăk Rve	Công trình, cấp IV	Từ 2024	NQ số 45/16/12/2021	222,00	222,00	222,00	222,00	
-	Đường giao thông từ xã Đăk Pnê huyện Kon Rẫy đi huyện Kbang tỉnh Gia Lai	Ban QLDA ĐTXD huyện	Xã Đăk Pnê	Cấp đường (cấp V miền núi)	Từ 2022	466-28/5/2021	150.000,00	15.000,00	2.200,00	2.200,00	Bổ sung đối ứng theo Quyết định số 466/QĐ-UBND ngày 28/5/2021 của UBND tỉnh
-	Công trình nước sinh hoạt Kon Bư, thôn 4, xã Tân Lập	Ban quản lý DA ĐTXD huyện	Xã Tân Lập	Công trình NN&PTNT cấp IV	Từ 2024	NQ số 45/16/12/2021	800,00	800,00	800,00	800,00	
-	Sửa chữa Trụ sở Khối mặt trận đoàn thể huyện Kon Rẫy	Ban QLDA ĐTXD huyện	Xã Tân Lập	Công trình dân dụng cấp III	Từ 2024	NQ số 45/16/12/2021	657,00	657,00	657,00	657,00	
-	Sửa chữa đập thủy lợi Hồ Chuối	Phòng NN&PTNT huyện	Xã Tân Lập	Công trình NN&PTNT cấp IV	Từ 2024	NQ số 45/16/12/2021	410,00	410,00	410,00	410,00	
-	Xây mới Trụ sở làm việc Ban Chỉ huy quân sự xã Đăk Pnê	Ban QLDA ĐTXD huyện	Xã Đăk Pnê	Công trình, cấp IV	Từ 2024	NQ số 45/16/12/2021	600,00	600,00	600,00	600,00	
-	Chi phí kiểm toán, quyết toán	Phòng TC-KH huyện						200,00	200,00	200,00	
-	Mở rộng, nâng cấp công trình nghĩa trang nhân dân huyện Kon Rẫy	Ban QLDA ĐTXD huyện	Xã Tân Lập	Nâng cấp	Từ 2024	NQ số 81/9/12/2023	4285,70	857,10	170,10	170,10	Dự án đối ứng NTM theo Nghị quyết 61/2022/HĐN D tỉnh

-	Mở rộng, nâng cấp công trình nghĩa trang nhân dân Đăk Ruồng - Tân Lập	Ban QLDA ĐTXD huyện	Xã Đăk Ruồng	Nâng cấp	Từ 2024	NQ số 81 9/12/2023	4285,70	857,10	288,90	288,90	Dự án đối ứng NTM theo Nghị quyết 61/2022/HĐN D tỉnh
III	Nguồn thu tiền sử dụng đất						10.000,00	10.000,00	5.640,00	5.640,00	
1	Ngân sách tỉnh bổ sung						10.000,00	10.000,00	5.200,00	5.200,00	
-	Hỗ trợ có mục tiêu để thực hiện cho các huyện, thành phố thực hiện nhiệm vụ Chi đo đạc, cấp giấy chứng nhận, quản lý đất đai	Phòng TN&MT huyện	Trên địa bàn huyện		Từ 2021	NQ số 45 16/12/2021	6.600,00	6.600,00	1.800,00	1.800,00	
-	Đầu tư từ nguồn hỗ trợ có mục tiêu từ nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất giao tăng thu so với dự toán trung ương giao để đầu tư cho công tác đo đạc, đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính thường xuyên	Phòng TN&MT huyện	Trên địa bàn huyện		Từ 2024		3.400,00	3.400,00	3.400,00	3.400,00	
2	Nguồn ngân sách huyện phân bổ từ thu tiền sử dụng đất hàng năm						-	-	440,00	440,00	
-	Hỗ trợ đầu tư xây dựng nông thôn mới	Trên địa bàn huyện	Trên địa bàn huyện			NQ số 45 16/12/2021			390,00	390,00	
-	Điều tiết ngân sách xã hưởng theo phân cấp	Các xã, thị trấn	Các xã, thị trấn			NQ số 45 16/12/2021			50,00	50,00	
IV	Nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ các công trình cấp bách						54.000,00	7.000,00	2.500,00	2.500,00	
1	Dự án chuyển tiếp						50.000,00	5.000,00	1.545,00	1.545,00	

-	Sửa chữa, nâng cấp đường ĐH 22, huyện Kon Rẫy	Ban QLDA ĐTXD huyện	Xã Đăk Pne	Cấp đường (cấp V miền núi)	Từ 2022	NQ 10-12/3/2021; 622-01/12/2021	50.000,00	5.000,00	1.545,00	1.545,00	Bổ sung đối ứng theo Quyết định số 622/QĐ-UBND ngày 28/5/2021 của UBND tỉnh
2	Dự án khởi công mới						4.000,00	2.000,00	955,00	955,00	
-	Dự án tôn tạo Di tích lịch sử Chiến thắng Kon Braih	Ban QLDA ĐTXD huyện	Xã Đăk Ruồng	Công trình công cộng	Từ 2024	NQ số 45 16/12/2021	4.000,00	2.000,00	955,00	955,00	
V	Hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã						1.350,00	1.350,00	1.350,00	1.350,00	
1	Các nội dung hỗ trợ mới						1.350,00	1.350,00	1.350,00	1.350,00	
-	Hỗ trợ máy móc (Máy rang, máy xay cà phê; máy đóng bao bì)	UBND thị trấn Đăk Rve	HTX Hoa Nam		Từ 2024	NQ 36/6/11/2023	318,00	318,00	318,00	318,00	
-	Hỗ trợ máy móc (Máy xay tiêu, máy đóng nắp chai nhựa, máy hút chân không)		HTX kinh doanh DVNN tổng hợp		Từ 2024	NQ 36/6/11/2023	76,00	76,00	76,00	76,00	
-	Hỗ trợ máy móc (Máy sấy khô (dùng điện và dầu diesel)	UBND xã Đăk Kôi	HTX Hoa Thiên		Từ 2024	NQ 36/6/11/2023	250,00	250,00	250,00	250,00	
-	Hỗ trợ máy móc (Máy sấy khô (dùng điện), máy đóng nắp chai nhựa, máy hút chân không)	UBND xã Đăk Pne	HTX Nông nghiệp và Dịch vụ Tổng hợp		Từ 2024	NQ 36/6/11/2023	256,00	256,00	256,00	256,00	

-	Hỗ trợ máy móc (Máy sấy khô (dùng điện và than, củi), máy hấp)	UBND xã Đắc Tơ Lung	HTX Thương mại - Dịch vụ - Nông nghiệp xanh Tiên bản		Từ 2024	NQ 36/6/11/2023	220,00	220,00	220,00	220,00	
-	Hỗ trợ máy móc (Máy sao, máy vò, máy sấy khô (dùng điện), máy hút chân không)	UBND xã Đắc Ruồng	HTX Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên		Từ 2024	NQ 36/6/11/2023	230,00	230,00	230,00	230,00	